

Hà Nội, ngày 03 tháng 7 năm 2025

THÔNG BÁO MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ tại Việt Nam

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương có nhu cầu tiếp nhận báo giá của các đơn vị cung cấp hóa chất xét nghiệm để tham khảo, xây dựng dự toán gói thầu, giá gói thầu làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cung cấp hóa chất xét nghiệm và (theo phụ lục 01) với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương
- Cách thức báo giá: Nộp bản chính (bản cứng) và bản mềm (lưu trên USB) đối với hàng hóa:
 - + 01 bản chính (bản cứng) bằng tiếng Việt có ký tên và đóng dấu của người đại diện hợp pháp các hãng sản xuất, các nhà cung cấp theo mẫu phụ lục đính kèm (Phụ Lục 02).
 - + Catalog, cấu hình và tính năng kỹ thuật của hàng hóa và các tài liệu khác liên quan (nếu có).
- Địa điểm nộp báo giá: Gửi đến bộ phận văn thư của Bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương; địa chỉ: Số 29 phố Nguyễn Bình Khiêm - phường Nguyễn Du - quận Hai Bà Trưng – Tp. Hà Nội.
- Thời gian nhận báo giá: Trong vòng 10 ngày
Từ ngày 03../7../2025 đến hết 17h ngày 14../7../2025
Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày báo giá có hiệu lực.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục hóa chất xét nghiệm theo phụ lục đính kèm.
- Địa điểm cung cấp, lắp đặt, thực hiện dịch vụ: Bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương; địa chỉ: Số 29 phố Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Thời gian hoàn thành hợp đồng: trong vòng 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.
- Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Trong vòng 90 ngày kể từ lúc hoàn thiện các thủ tục thanh toán theo quy định.



5. Các thông tin khác (nếu có).

(Đính kèm theo Bảng mô tả các tính năng, yêu cầu kỹ thuật cơ bản của các thiết bị y tế; các yêu cầu về địa điểm cung cấp, các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế; thời gian giao hàng dự kiến và các thông tin liên quan khác).

Mọi thông tin cần giải đáp vui lòng liên hệ số điện thoại: 0243 8225331-Phòng Vật tư-Thiết bị y tế (Gặp đồng chí đồng chí Phạm Văn Toàn.)

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: Văn thư, PC,
Vật tư-TBYT.

Giám Đốc Bệnh viện



PGS.TS Vũ Nam



Phụ lục 01

Danh mục hóa chất xét nghiệm

Đính kèm thông báo số: 6.97/TB-BVYHCTTW ngày 03 tháng 7 năm 2025

I- Hóa chất xét miễn dịch (Sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch ACL Elite)

STT	Danh mục thiết bị y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật
1	Định lượng Cortisol	Hộp	6	Hóa chất định lượng cortisol;Phương pháp: miễn dịch enzym liên kết cạnh tranh;Dải đo: 0,4–60 µg/dL [11–1.655 nmol/L];Thành phần chính: chất nền BSA, natri azit, Huyết thanh miễn dịch của thỏ kháng cortisol
2	Chất chuẩn Cortisol	Hộp	2	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng cortisol;Thành phần chính: huyết thanh người, natri azit, ProClin, cortisol ở các mức nồng độ khác nhau
3	Định lượng hsTnI	Hộp	14	Hóa chất định lượng cTnI ;Phương pháp: miễn dịch enzym (“sandwich”);Dải đo: 2,3 - 27.027pg/mL;Thành phần chính: kháng thể đơn dòng ở chuột kháng cTnI của người được tạo huyền phù trong dung dịch muối đệm TRIS, có chất hoạt động bề mặt, albumin huyết thanh bò (BSA), natri azit và ProClin 300.
4	Chất chuẩn hsTnI	Hộp	6	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng cTnI siêu nhạy;Thành phần chính: Chất nền đệm albumin huyết thanh bò (BSA) với chất hoạt động bề mặt Natri azua, và ProClin
5	Định lượng TSH (3rd IS)	Hộp	12	Hóa chất định lượng TSH;Phương pháp: miễn dịch enzym (“sandwich”);Dải đo: 0,005–50 µIU/mL;Thành phần chính: kháng thể kháng TSH ở người đơn dòng ở chuột được huyền phù trong dung dịch muối đệm TRIS, có chất hoạt tính bề mặt, albumin huyết thanh bò (BSA), natri azit và ProClin.
6	Chất chuẩn TSH (3rd IS)	Hộp	5	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng TSH;Thành phần chính: Chất nền albumin huyết thanh bò (BSA) đệm có chất hoạt động bề mặt, natri azit, ProClin
7	Định lượng Total T3	Hộp	12	Hóa chất định lượng T3;Phương pháp: miễn dịch enzym liên kết cạnh tranh;Dải đo: 0,1 - 8 ng/mL (0,2–12,3 nmol/L);Thành phần chính: dung dịch đệm TRIS, natri azit, ProClin, Natri hidroxit (NaOH), dung dịch axit clohydric (HCl), Liên hợp photphataza kiềm kháng T3 đơn dòng ở chuột (bò) và các hạt thuận từ phủ streptavidin
8	Chất chuẩn Total T3	Hộp	5	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng T3;Thành phần chính: huyết thanh người, natri azit, Cosmocil CQ, Triiodothyronine ở các mức nồng độ khác nhau.

9	Định lượng Free T4	Hộp	12	Hóa chất định lượng T4 tự do;Phương pháp: miễn dịch enzym hai bước;Dải đo: 0,25–6 ng/dL [3,2–77,2 pmol/L];Thành phần chính: dung dịch đệm TRIS, NAN3, ProClin, Kháng thể kháng Thyroxine (T4) đơn dòng ở chuột
10	Chất chuẩn Free T4	Hộp	5	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng T4 tự do;Thành phần chính: Huyết thanh người, natri azit, ProClin, Thyroxine ở các mức nồng độ khác nhau
11	Định lượng CEA	Hộp	5	Hóa chất định lượng CEA;Phương pháp: miễn dịch enzym ("sandwich");Dải đo: 0,1–1.000 ng/mL;Thành phần chính: albumin huyết thanh bò, natri azit, ProClin, kháng thể kháng CEA MAb ở chuột
12	Chất chuẩn CEA	Hộp	2	- Thành phần: S0: Dung dịch đệm photphat, protein (bò), < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. S1,S2,S3,S4,S5: Kháng nguyên carcinoembryonic người ở các mức nồng độ xấp xỉ 1, 10, 100, 500, 1.000 ng/mL, trong dung dịch đệm phosphate, protein (bò), < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300.
13	Định lượng AFP	Hộp	5	- Phạm vi phân tích: 0,5–3.000 ng/mL [0,41–2.478 IU/mL] - Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym hai vị trí ("sandwich") - Thành phần: R1a: Các hạt thuận từ phủ kháng thể kháng AFP đơn dòng ở chuột được huyền phù trong dung dịch muối đệm TRIS, có chất hoạt tính bề mặt, chất nền albumin huyết thanh bò (BSA), < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. R1b: Liên hợp photphataza kiềm kháng AFP đơn dòng ở chuột (bò) được pha loãng trong dung dịch muối đệm photphat, có chất hoạt tính bề mặt, chất nền BSA, protein (dê, thỏ, chuột), < 0,1% natri azit và 0,25% ProClin 300.
14	Chất chuẩn AFP	Hộp	2	- Thành phần: S0: Chất nền albumin huyết thanh bò (BSA) đệm có chất hoạt tính bề mặt, < 0,1% natri azit, 0,1% ProClin 300. Chứa 0 ng/mL AFP. S1,S2,S3,S4,S5, S6: AFP ở nồng độ xấp xỉ 2,5, 5, 25, 100, 500 và 3.000 ng/mL (2,1, 4,1, 21, 83, 413 và 2.478 IU/mL), trong chất nền đệm BSA có chất hoạt tính bề mặt, < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300.
15	Định lượng PCT	Hộp	18	- Phạm vi phân tích: 0,01–100 ng/mL - Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym hai bước liên tiếp ("sandwich") - Thành phần: R1a: Các hạt thuận từ Dynabeads phủ kháng thể đơn dòng ở chuột kháng procalcitonin người trong dung dịch đệm TRIS có chất hoạt tính bề mặt, protein (bò), ≤ 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. R1b: 0,1 N Natri Hydroxit. R1c: Dung dịch đệm MOPS có chất hoạt tính bề mặt và protein (bò, chuột), ≤ 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. R1d: Liên hợp photphataza kiềm tái tổ hợp kháng procalcitonin ở chuột trong dung dịch đệm MOPS có chất hoạt tính bề mặt và protein (bò, chuột, tái tổ hợp), ≤ 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300.

16	Chất chuẩn PCT	Hộp	6	- Thành phần: S0 Dung dịch đệm HEPES đông khô có protein (bò), $\leq 0,1\%$ natri azit và 0,1% ProClin 300. S1,S2,S3,S4,S5, S6: Procalcitonin tái tổ hợp ở người với các mức xấp xỉ lần lượt là 0,8, 5, 10, 25, 50 và 100 ng/mL ($\mu\text{g/L}$) trong dung dịch đệm HEPES đông khô có protein (bò), $\leq 0,1\%$ natri azit và 0,1% ProClin 300
17	Giếng phản ứng dùng cho máy Access 2	Hộp	40	Chất liệu Polypropylene; Dung tích tối đa 1 mL
18	Dung dịch rửa dùng cho máy Access 2	Hộp	50	- Thành phần: Dung dịch muối đệm TRIS, chất hoạt tính bề mặt, $< 0,1\%$ và $< 0,05\%$ khối lượng phản ứng của: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-one và 2-methyl-4-isothiazolin-3-one (3:1).
19	Cơ chất phát quang	Hộp	30	- Thành phần: Dung dịch đệm chứa dioxetane Lumigen PPD, chất huỳnh quang và chất hoạt tính bề mặt
20	Dung dịch pha loãng mẫu	Hộp	3	- Thành phần: Chất pha loãng Chất nền albumin huyết thanh bò (BSA) đệm có chất hoạt tính bề mặt, $< 0,1\%$ natri azit, 0,5% ProClin 300.
21	Dung dịch rửa máy hàng ngày	Bình	1	Thành phần chính: Acid hữu cơ.
22	Dung dịch rửa máy hàng ngày	Bình	1	- Thành phần: KOH 1-5%
23	Dung dịch kiểm tra máy	Hộp	3	- Thành phần: Phosphatase kiềm, 1% albumin huyết thanh bò (BSA), 0,25% ProClin 300, $< 0,1\%$ natri azit.
24	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 1 (có giá trị cho cả các xét nghiệm chỉ tổ khối u)	Lọ	10	Chất kiểm chứng dạng lỏng, được chuẩn bị từ huyết thanh người. Các mức nồng độ của các chất phân tích được điều chỉnh với hóa chất tinh khiết và các chế phẩm từ mô/dịch cơ thể người.

25	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 2 (có giá trị cho cả các xét nghiệm chỉ tổ khối u)	Lọ	10	Chất kiểm chứng dạng lỏng, được chuẩn bị từ huyết thanh người. Các mức nồng độ của các chất phân tích được điều chỉnh với hóa chất tinh khiết và các chế phẩm từ mô/dịch cơ thể người.
26	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 3 (có giá trị cho cả các xét nghiệm chỉ tổ khối u)	Lọ	10	Chất kiểm chứng dạng lỏng, được chuẩn bị từ huyết thanh người. Các mức nồng độ của các chất phân tích được điều chỉnh với hóa chất tinh khiết và các chế phẩm từ mô/dịch cơ thể người.

PHỤ LỤC 02

(Kèm theo thông báo số /TB-BVYHCTTW ngày tháng năm 2025)

MẪU BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện y học cổ truyền trung ương

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện y học cổ truyền Trung ương, chúng tôi
[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà
cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ
của các thành viên liên danh] báo giá cho các trang thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các trang thiết bị y tế

STT	Danh mục trang thiết bị y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/khối lượng ⁽⁷⁾	Thông số kỹ thuật ⁽⁸⁾	Đơn giá ⁽⁹⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹⁰⁾ (VND)	Giá kê khai
1	Trang thiết bị A									
2	Trang thiết bị B									
n	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên
quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể
số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngày
....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu
báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận
đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu
tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của
pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của
pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất,
nhà cung cấp⁽¹²⁾**

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.
- (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.
- (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.
- (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.
- (5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.
- (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (8) Thông số kỹ thuật chi tiết của hàng hóa
- (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.
- (10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (11) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

12